

CẢI CÁCH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRUNG QUỐC TRONG NHỮNG NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC "KHOA GIÁO HÙNG QUỐC"

NGUYỄN VĂN CÂN*

Từ cuối thế kỷ XX, các nhà khoa học thế giới đã dự báo, đến thế kỷ XXI sẽ xuất hiện nền kinh tế tri thức thay thế nền kinh tế công nghiệp đã chiếm vị trí thống trị kinh tế thế giới hơn 2 thế kỷ qua. Vì vậy, mục tiêu bắt kịp và đón đầu tiến bộ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới, đồng thời có thể giành ưu thế trong cuộc cạnh tranh chi phối lĩnh vực công nghệ cao là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với nền khoa học kỹ thuật của Trung Quốc nói chung và ngành giáo dục ở bậc đại học nói riêng. Mặt khác, chính nhiệm vụ xây dựng toàn diện xã hội khá giả cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với cải cách và phát triển giáo dục đại học, cao đẳng. Xuất phát từ thực tế đó, căn cứ vào quá trình xác lập và hoàn thiện từng bước thể chế kinh tế thị trường XHCN, giáo dục đại học và cao đẳng ở Trung Quốc đã có đã có những cải cách cần thiết để đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương và trên toàn Trung Quốc.

1. Cải cách quản lý

Bước vào những năm 1990, ngành giáo dục Trung Quốc nói chung và giáo dục đại học nói riêng tuy đã có nhiều tiến bộ nhưng nhìn tổng thể vẫn chưa

hoàn toàn thoát khỏi ảnh hưởng của tư tưởng giáo dục nho giáo, của giáo dục hàn lâm. Giáo dục chưa thiết lập được quan hệ hữu cơ với quá trình phát triển kinh tế xã hội, chưa thật gắn với thị trường lao động. Chính vì vậy, năm 1992 Ủy ban Giáo dục Nhà nước Trung Quốc tổ chức một cuộc hội thảo về công tác giáo dục đại học và cao đẳng, nhằm mục đích xác định rõ phương hướng và nhiệm vụ phát triển giáo dục đại học trong những năm 1990 và đầu thế kỷ mới. Một trong những nhiệm vụ được các trường quan tâm là tiến hành cải cách các hoạt động về quản lý đào tạo, nội dung đào tạo, hệ thống giáo trình, theo tinh thần *cải cách đào tạo là hạt nhân của cải cách giáo dục*⁽¹⁾.

Khâu cải cách đầu tiên để thực hiện nhiệm vụ này là Ủy ban Giáo dục Nhà nước quyết định mở rộng quyền tự chủ cho các trường đại học và cao đẳng, bằng cách xây dựng và tăng cường cơ chế thực hiện chế độ trách nhiệm của nhà trường. Qui định mở rộng quyền tự chủ đặt ra yêu cầu bắt buộc đối với các trường đại học và cao đẳng là phải đảm bảo chấp hành chính sách pháp lệnh, kế hoạch thống nhất của Nhà nước, đồng thời cho

*Thạc sỹ. Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

phép trong quá trình thực hiện nhiệm vụ có quyền thực hiện liên kết giáo dục ngoài phạm vi ngành và khu vực; tiếp nhận việc ủy thác bồi dưỡng; thu nhận học sinh tự phí; tự chủ phân phối một tỷ lệ nhất định học sinh tốt nghiệp; có quyền điều chỉnh phương hướng phục vụ chuyên nghiệp; chế định và sửa đổi kế hoạch dạy học, chương trình dạy học; tự tuyển lựa và biên soạn giáo trình; chủ động tiến hành cải cách nội dung và phương pháp dạy học. Trường có quyền tự chủ mở rộng hợp tác, ký kết hợp đồng với bên ngoài trong công tác nghiên cứu khoa học; có quyền bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo từ Phó hiệu trưởng trở xuống; một số trường còn có quyền thẩm định tư cách giáo sư, phó giáo sư. Những cải cách này đã đột phá vào cục diện hạn chế của thể chế lãnh đạo hiện hành, khai thác tích cực và mở rộng qui mô liên kết ngang trong hệ thống để nâng cao hiệu quả nghiên cứu cũng như dạy và học⁽²⁾.

Sau một thời gian thực hiện thực nghiệm mở rộng quyền tự chủ, Trung Quốc có 103 trường đã thực hiện chế độ trách nhiệm Hiệu trưởng, nhiều trường thực hiện rộng rãi chế độ trách nhiệm của Chủ nhiệm khoa. Căn cứ trên thực tế đó, tháng 4 năm 1994 tại Vũ Hán, Ủy ban Giáo dục Nhà nước triệu tập hội nghị lần thứ hai về công tác giáo dục đại học và cao đẳng. Hội nghị lần này nhằm trao đổi kinh nghiệm thực tế của các trường, đề xuất biện pháp tăng nhanh tốc độ phát triển cải cách đào tạo. Cũng tại hội nghị Ủy ban Giáo dục công bố việc tổ chức thực hiện: *Kế hoạch cải cách dạy và học ở các trường đại học và cao đẳng nhằm hướng tới thế kỷ XXI*. Trao đổi thảo luận tại hội nghị, nhiều ý kiến

đề xuất cần nắm vững phương châm vì sự phát triển kinh tế xã hội của Trung Quốc trong thập niên 90 và những năm đầu của thế kỷ XXI mà chuẩn bị công tác phục hưng và phát triển nhân tài. Các nhà trường có thể dựa vào các lực lượng xã hội khác để nỗ lực phát triển giáo dục đại học và cao đẳng. Đồng thời cũng đưa ra nhiệm vụ phải nhìn vào những vấn đề đang còn tồn tại của giáo dục đại học và cao đẳng, tiếp tục đưa ra cải cách kết cấu giáo dục đại học và cao đẳng, cải cách thể chế lãnh đạo và cải cách thể chế quản lý nhưng phải bảo đảm hệ thống và nội dung. Tuy nhiên nếu xét toàn diện, Chính phủ thông qua Ủy ban Giáo dục Nhà nước vẫn chịu trách nhiệm chính về cải cách thể chế giáo dục ở đại học và cao đẳng.

2. Cải cách chế độ tuyển sinh

Đối với nhiệm vụ trọng tâm của phát triển giáo dục đại học và cao đẳng là đào tạo bổ sung nguồn lực lao động vừa đông đảo vừa có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của công cuộc xây dựng và hiện đại hoá đất nước trong thời gian tới, Trung Quốc đã quan tâm hơn đến đầu vào của các nhà trường. Công tác tuyển sinh của các trường đã có những thay đổi, chuyển biến nghiêm túc. Ủy ban Giáo dục Nhà nước cũng chú ý đến số lượng chiêu sinh trong các kỳ tuyển, cho phép các trường có thể mở rộng giới hạn tuổi cho thí sinh, bỏ một số qui định không thích hợp và tăng số môn thi vào đại học... Trong quá trình tuyển sinh các trường cũng đã lưu ý hiện tượng một số năm sau cải cách, học sinh tốt nghiệp ở một số khoa này sinh vấn đề cung nhiều hơn cầu, đẩy mâu thuẫn ngành thừa, ngành thiếu

càng ngày càng nghiêm trọng. Đối với một số ngành học cần thiết mà các trường trong nước chưa thể đào tạo hoặc đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế và xã hội, vào giai đoạn này Trung Quốc thực hiện lại chế độ gửi lưu học sinh ra nước ngoài được hưởng học bổng của Nhà nước⁽³⁾.

Sau một số năm tiến hành cải cách, thực tế ở Trung Quốc cho thấy hiện vẫn còn sự mất cân đối trong việc đào tạo ở cả bậc đại học, cao đẳng cũng như trung học chuyên nghiệp. Về ngành nghề đào tạo chủ yếu sinh viên chọn các ngành kinh tế, luật, kỹ thuật công nghệ, ngoại ngữ, sư phạm, còn các ngành văn hoá, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp tỷ lệ thấp. Có một điều đáng lo ngại trong xu hướng chọn nghề là học sinh chọn ngành dễ trúng tuyển, dễ được vào học, nghĩa là chỉ quan tâm đến đầu vào mà ít chú ý đến năng lực và nguyện vọng, cho nên khi học, họ không thiết tha với ngành được đào tạo, miễn là có bằng đại học để ra trường, thậm chí chưa ra trường họ đã muốn bỏ nghề.

Điều đáng quan tâm là trong những năm này không chỉ thiếu cân đối trong cơ cấu học sinh mà chính cơ chế đào tạo ở các nhà trường, cơ cấu ngành nghề đào tạo hiện đang có xu hướng phát triển tự phát theo nhu cầu nhất thời của xã hội, gây ra hậu quả là các lĩnh vực khoa học cơ bản có xu hướng teo dần, nhưng lại có sự bùng nổ không kiểm soát được của các ngành khoa học ứng dụng. Để khắc phục hiện trạng này, Ủy ban Giáo dục Nhà nước cùng với các ngành và các nhà trường đã tiến hành sắp xếp lại các chuyên ngành, có chú ý hình thành hệ thống các bộ môn khoa học trọng điểm,

có bố cục hợp lý, có ưu thế và đặc sắc riêng. Đến tháng 7 năm 1998 các văn kiện về Danh mục các khoa cơ bản và chuyên môn cùng với Quy định về việc bố trí các khoa cơ bản và chuyên môn của các trường đại học và cao đẳng đã hoàn thành, được công bố và thực hiện. Để tăng cường quản lý và điều chỉnh ở mức độ vĩ mô, giải quyết dần dần mâu thuẫn giữa cung và cầu, hàng năm Ủy ban Giáo dục Nhà nước tổ chức thanh tra giám sát và công bố danh sách các trường đại học, cao đẳng có chất lượng sinh viên cũng như điều kiện dạy và học không đạt chuẩn quốc gia (gọi là các trường bị nhận "đèn vàng"). Thí dụ năm 1998 có 8 trường 2 năm liên tiếp bị "đèn vàng", Ủy ban yêu cầu phải giảm số lượng chiêu sinh⁽⁴⁾.

Một trong những vấn đề ưu tiên là tổ chức tuyển sinh cho các trường. Từ năm 1999, Trung Quốc thực hiện thí điểm phương án tuyển sinh mới. Theo phương án này, các trường đại học không tổ chức thi tuyển sinh mà chia chỉ tiêu tuyển sinh cho các tỉnh. Bộ Giáo dục (từ tháng 3 năm 1998 Ủy ban Giáo dục Nhà nước đổi tên thành Bộ Giáo dục) cho phép các trường có thể ưu tiên chia nhiều chỉ tiêu hơn cho địa phương nơi trường đóng. Các tỉnh căn cứ vào chỉ tiêu được phân, tự ra đề, tự tổ chức thi tuyển và báo kết quả cho các trường⁽⁵⁾. Hai địa phương được chọn thí điểm đầu tiên là Bắc Kinh và Thượng Hải, bắt đầu thực hiện 2004 và sẽ nâng lên thí điểm ở 11 tỉnh và thành phố khác. Để đảm bảo kết quả chính xác cho kỳ thi tuyển và cũng để cho học sinh hiểu rõ nhất năng lực thực sự của mình trước khi đăng ký dự thi chính thức, các tỉnh và thành phố tổ chức cho thí sinh của địa phương thi thử nhiều đợt, các

môn thi và yêu cầu bài thi giống như thi chính thức. Sau khi chấm thi, kết quả được đưa lên mạng theo thứ tự từ cao xuống thấp. Trên cơ sở đó, học sinh lên mạng kiểm tra để biết vị trí của mình đứng thứ bao nhiêu trong khu vực, từ đó có thể đánh giá sức học của bản thân để chính thức đăng ký chọn ngành, chọn trường. Năm 2004 thành phố Thượng Hải thí điểm tổ chức chấm thi trên mạng môn Ngữ văn. Tất cả bài thi môn này đưa lên mạng và giáo viên lên mạng chấm.

Số môn thi đại học của Trung Quốc có 4 môn là Toán, Văn, Ngoại ngữ (chủ yếu là Anh văn) và môn tổng hợp. Các địa phương có thể linh hoạt chọn và ra đề thi trong môn tổng hợp. Tuy vậy về cơ bản các địa phương cũng phân thành khối để thi môn tổng hợp, thông thường khối tự nhiên môn tổng hợp gồm 3 phần Vật lý, Hoá học, Sinh vật; khối xã hội môn tổng hợp gồm Lịch sử, Địa lý, Chính trị. Nếu thí sinh đăng ký thi chuyên ngành là ngoại ngữ thì phải thi thêm môn nghe hiểu. Điểm 3 môn đầu là 150, môn tổng hợp là 300 như vậy điểm tối đa thi đại học là 750 điểm. Số môn thi nhiều tuy là một vấn đề lớn với học sinh nhưng lại có ưu điểm là học sinh không học lệch, có kiến thức tương đối toàn diện. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến kết quả của các lần thanh tra đánh giá trình độ, sinh viên Trung Quốc nắm kiến thức tương đối toàn diện, học đều cả về tự nhiên và xã hội.

Để tạo điều kiện cho các trường đại học có thể đào tạo được nhân tài cao cấp, từ năm 2003 Bộ Giáo dục Trung Quốc đã áp dụng chế độ tự chủ chiêu sinh. Chế độ này mới chỉ áp dụng ở một số trường và

một số chỉ tiêu tương đối hạn chế cũng như đưa ra những tiêu chuẩn tương đối chặt chẽ, chủ yếu áp dụng tuyển những học sinh đoạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia nhưng lại không được xét tuyển ở các địa phương.

3. Quan tâm đúng mức đến đội ngũ giáo viên

Trong cải cách giáo dục và hoàn thiện thể chế giáo dục cao đẳng và đại học, để hoàn thành tốt nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao chất lượng, Bộ Giáo dục đã chú ý xây dựng chế độ chính sách thích hợp đối với đội ngũ giáo viên. Ngoài các chế độ thông thường như các công nhân viên chức khác, giáo viên còn được hưởng chế độ thâm niên dạy học, một số địa phương còn ưu tiên cấp nhà, hoặc ưu tiên khi giáo viên có điều kiện mua nhà. Các giáo viên có học hàm, học vị cao còn được miễn phí khi tham gia một số sinh hoạt văn hoá...

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở các trường đại học, ngoài yêu cầu bắt buộc tất cả giáo viên phải thông qua chương trình nghiên cứu sinh, để bồi dưỡng chuyên gia nhất là các chuyên gia đầu ngành, Trung Quốc còn thực hiện chế độ cử đi học tập, nghiên cứu ở các cơ sở khoa học công nghệ lớn, có trình độ cao ở các nước phát triển để nâng cao nghiệp vụ.

Kể từ khi thực hiện "Điều lệ học vị" (tháng 1 năm 1981), Ủy ban học vị của Quốc vụ viện Trung Quốc đã 6 lần tiến hành công tác ủy quyền sát hạch, xét cấp học vị thạc sĩ, tiến sĩ. Điều này thể hiện Trung Quốc rất quan tâm đến đào tạo bồi dưỡng nhân tài bậc cao và sự phát triển lành mạnh của công tác này.

Đối với những giáo viên đầu ngành, nhiều kinh nghiệm, ngày 4 tháng 8 năm 1998 Bộ Giáo dục Trung Quốc công bố thiết lập 300 đến 500 chức vị giáo sư đặc biệt trong cả nước, gọi là các giáo sư “thỉnh giảng”⁽⁶⁾. Mỗi giáo sư trong thời gian “thỉnh giảng” được hưởng trợ cấp mỗi năm 100.000 NDT, đồng thời vẫn được hưởng những đãi ngộ bình thường như tiền lương, bảo hiểm, phúc lợi... mà Nhà nước qui định. Về cơ bản đây là mức thù lao chức vụ cao nhất dành cho các nhà giáo ở Trung Quốc hiện nay. Thông qua việc thiết lập chức vụ giáo sư “thỉnh giảng”, Trung Quốc hy vọng sẽ xây dựng được một đội ngũ giáo sư có vị trí cao về học thuật, có tầm hiểu biết rộng không chỉ văn hoá truyền thống phương Đông mà cả văn hoá khoa học kỹ thuật phương Tây, có uy tín với giới khoa học quốc tế, nhằm góp phần nâng cao vị trí học thuật và sức cạnh tranh của các trường đại học và cao đẳng Trung Quốc trên phạm vi thế giới. Để đạt được mục đích đó, Trung Quốc sẽ thông báo danh sách và sắp đặt vị trí mời, chuyên ngành chính của các giáo sư “thỉnh giảng” cho toàn quốc và thế giới qua hệ thống mạng.

Một số kết quả chủ yếu trong đào tạo và nghiên cứu khoa học

Với sự quan tâm và chỉ đạo đúng đắn của Quốc vụ viện và Bộ Giáo dục, ngành giáo dục đại học và cao đẳng Trung Quốc trong thời gian qua đã có bước phát triển tương đối mạnh. Về số lượng, nếu như năm 1996 toàn Trung Quốc có 1138 trường thì đến năm 2002 con số này đã là 2003 trường các loại. Về chỉ tiêu tuyển sinh, nếu năm 1999 số lượng tuyển sinh là 1,6 triệu sinh viên thì năm 2001 con số này là 2,6 triệu, sang năm 2003 đã

tăng lên 3,35 triệu và đến năm 2005 số lượng tuyển đã tăng lên đến 4,75 triệu⁽⁷⁾. Không chỉ tăng về số lượng đơn thuần mà qui mô của các trường đại học, tỷ lệ giữa giáo viên và sinh viên cũng được quan tâm đúng mức. Thí dụ, chỉ tính riêng số sinh viên nội trú của các trường năm 2002 là 5.870.000 thì sang năm 2003 số này tăng lên 6.471.000. Với hơn 600.000, sinh viên nội trú tăng thì số lượng phòng ở, điều kiện sinh hoạt công cộng... sẽ kéo theo nhiều vấn đề phải giải quyết.

Ngoài số sinh viên chính qui còn phải kể đến số sinh viên tự học tại các lớp đào tạo từ xa hoặc các lớp tại chức rồi báo danh thi tốt nghiệp. Chỉ một kì thi năm 2003 số sinh viên tự túc học và báo danh thi tốt nghiệp là 12.677.000 lượt người, số thi đạt yêu cầu 1.295.000 sinh viên. Việc tổ chức thi và cấp chứng chỉ tốt nghiệp không chỉ đơn thuần là bố trí giáo viên mà còn kèm theo chuẩn bị cơ sở vật chất không phải là nhỏ. Theo thống kê của Bộ Giáo dục, tốc độ phát triển giáo dục đại học và cao đẳng trong vòng 20 năm qua, bình quân mỗi năm số sinh viên tại trường tăng 9,9% nhưng tỷ lệ giữa giáo viên và sinh viên nhìn chung vẫn đảm bảo ổn định⁽⁸⁾. Cụ thể đầu năm 2002 tỷ lệ này là 1:18,22 chuyển sang năm 2003 tỷ lệ này vẫn duy trì được ở mức 1:19⁽⁹⁾.

Không chỉ phấn đấu tăng về số lượng đầu vào, mà một vài năm gần đây để khuyến khích sinh viên nhập học, các trường còn chú ý đến đầu ra cho sinh viên tốt nghiệp. Trong chương trình đào tạo ở năm học cuối, Hiệu trưởng một số trường đại học đã có sáng kiến phối hợp với Giám đốc nhân sự của các công ty

hoặc doanh nghiệp để bố trí một số buổi giảng về cách thức tiếp nhận các sinh viên sẽ tốt nghiệp sau kỳ thi sắp tới. Các kiến thức được truyền đạt không chỉ là những kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, máy tính mà còn cả các qui tắc kinh doanh, nghĩa là những gì mà các công ty và doanh nghiệp yêu cầu. Kế hoạch phối hợp đào tạo này thể hiện một trong những mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp ở bậc đại học là đào tạo những nhân viên, nhà chuyên môn phải có kỹ năng đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của vị trí công tác trong tương lai. Dựa trên cơ sở các yêu cầu của công ty và doanh nghiệp, sinh viên sẽ tự mình tìm biện pháp bổ sung những kiến thức còn thiếu để tham gia thi tuyển dụng nếu có nguyện vọng. Qua các buổi trao đổi của những người trực tiếp tuyển dụng, sinh viên nhận thức đúng hơn thực chất yêu cầu của các công ty, doanh nghiệp. Họ thấy được những phần kiến thức còn thiếu của mình, những nguyên nhân mà họ không được tuyển dụng không phải là do các công ty chỉ chọn tuyển người được đào tạo trong các ngôi trường lớn, có danh tiếng, mà chủ yếu trình độ kiến thức hay năng lực làm việc cụ thể của sinh viên chưa đáp ứng. Qua thực tế của các buổi trao đổi và kết quả của các lần tuyển dụng, nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu cao của xã hội, trong kế hoạch đào tạo các trường đã có những cải cách nhất định. Cụ thể nhất là các trường đã có chủ trương "tăng cường thời gian sinh viên tham gia nghiên cứu thực tế", có nghĩa là một số môn học sẽ có những thời gian thực hiện tại công ty và nhà máy, thay vì ở các lớp học như hiện nay.

Điều này cũng đặt ra một nhu cầu mới trong đào tạo của các nhà trường đối với sinh viên sẽ tốt nghiệp.

Một trong những thành tích đáng lưu ý là do kết quả của việc thực hiện "song nguyên chế" (nhà trường và nhà máy, xí nghiệp cùng phối hợp đào tạo) cũng như những thành tựu của giáo dục hướng nghiệp nên sự phân luồng giáo dục ở các địa phương trên toàn Trung Quốc đã có những thành công rất đáng ghi nhận. Tại nhiều địa phương sau khi tốt nghiệp cao trung, đa số học sinh ghi tên dự thi vào các trường cao đẳng hoặc các trường chuyên nghiệp dạy nghề, chỉ những học sinh có năng lực thực sự, có đam mê với chương trình học tập và nghiên cứu tại các trường đại học cũng như sau khi tốt nghiệp mới ghi tên dự thi đại học. Chính vì lý do đó mà chất lượng đầu vào cũng như chất lượng sinh viên tốt nghiệp đại học ở Trung Quốc đã được nâng cao rõ rệt, uy tín đào tạo đại học của Trung Quốc trên thế giới ngày càng tăng. Vì vậy, từ năm 2002 các nước Anh, Đức, Pháp, Ôxtrâyli và New Zealand đã lần lượt cùng Trung Quốc ký kết điều lệ công nhận lẫn nhau về học vị, học lực hệ đại học cao đẳng⁽¹⁰⁾.

Đối với nhiệm vụ đào tạo sau đại học, ngay từ khi bắt đầu thực hiện công cuộc cải cách mở cửa Trung Quốc đã có sự quan tâm thích đáng. Chế độ học vị của Trung Quốc được xây dựng từ năm 1981 đã qui định sau khi tốt nghiệp đại học sinh viên có thể tiếp tục được đào tạo sau đại học bao gồm 2 bậc, học viên đều gọi là nghiên cứu sinh, NCS thạc sĩ và NCS tiến sĩ. Nếu như trước đây số lượng cơ sở được đào tạo sau đại học và số

người có trình độ sau đại học là rất ít thì đến giai đoạn này, Trung Quốc có chủ trương đẩy mạnh chế độ đào tạo và cũng tạo điều kiện thuận lợi để cho nhiều trường đại học có khả năng đảm nhận được nhiệm vụ này. Tính đến hết năm 1997 tức là sau 16 năm thực hiện Điều lệ học vị, Trung Quốc đã đào tạo được trên 349.600 thạc sĩ và 27.500 tiến sĩ. Hiện đang có 150 ngàn NCS trong đó có 30.000 làm luận án tiến sĩ. Từ sau năm 1985 Trung Quốc bắt đầu có chế độ đào tạo sau tiến sĩ theo chương trình tập trung 2 năm⁽¹¹⁾.

Bước vào giai đoạn mới, theo yêu cầu chung của tốc độ phát triển kinh tế xã hội và đặc biệt là để đón nhận nền kinh tế tri thức sẽ xuất hiện ở thế kỷ mới, nhiệm vụ đào tạo sau đại học lại càng được quan tâm hơn nữa. Quá trình thực hiện "công trình 985" (Kế hoạch được xây dựng tại Hội nghị về công tác giáo dục đại học hướng tới thế kỷ XXI tháng 4 năm 1995 với việc xác định 985 hạng mục khoa học quan trọng, với sự tham gia của 10.000 giáo viên thuộc 300 đơn vị nghiên cứu) và "công trình 211" (Kế hoạch phát triển giáo dục đại học hướng tới thế kỷ XXI, phấn đấu xây dựng 100 trường đại học lớn có chất lượng cao. Trong số này, ưu tiên đầu tư cho 10 trường trọng điểm và các bộ môn khoa học trọng điểm để các đơn vị này có thể nhanh chóng được đứng vào hàng ngũ những trường đại học trình độ cao hàng đầu thế giới), cùng với nhiệm vụ nâng cao hơn nữa vai trò của các trường trong thực hiện "kế hoạch 863" (Kế hoạch phát triển nghiên cứu kỹ thuật công nghệ cao, ưu tiên cho 7 ngành trọng điểm đã được tiến hành từ năm 1987)⁽¹²⁾ chính là điều

kiện thuận lợi để đẩy nhanh tốc độ đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học. Chính vì vậy, đến năm 2002 Trung Quốc đã có 728 đơn vị đào tạo NCS, trong đó có 408 trường đại học, 320 cơ sở nghiên cứu khoa học. Cũng năm 2002 số NCS học tại các cơ sở đào tạo là 501.000 người trong đó có 108.700 NCS tiến sĩ và 392.300 NCS thạc sĩ. Ngoài ra, kể từ khi có chế độ đào tạo sau tiến sĩ cho đến năm 2001, là 16 năm Trung Quốc đã có 14 ngàn tiến sĩ tham gia các khoá đào tạo tập trung 2 năm⁽¹³⁾.

Ngoài nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo, trong giai đoạn toàn Đảng, toàn dân thực hiện phương châm chiến lược "khoa giáo hưng quốc", nhiệm vụ nghiên cứu khoa học ở các trường đại học cũng phát triển nhanh và cũng đã thu được những thành tựu đáng khích lệ. Trong kế hoạch hoàn thiện thể chế giáo dục, tại các nhà trường Bộ Giáo dục xác định rất rõ một trong những nhiệm vụ trọng tâm là ra sức tăng cường nghiên cứu khoa học và sáng tạo tri thức, thúc đẩy việc ứng dụng và chuyển hóa thành quả nghiên cứu khoa học, áp dụng các biện pháp tăng cường xây dựng đội ngũ nhân tài cao cấp, đào tạo và bồi dưỡng thật nhiều mũi nhọn học thuật trong sinh viên ưu tú và giáo viên nòng cốt. Ngoài ra Trung Quốc còn cho phép các trường đại học và cao đẳng tự lập xí nghiệp khoa học kỹ thuật cao, thực hiện các dịch vụ khoa học kỹ thuật. Quan điểm này đã tạo cho công tác nghiên cứu khoa học và sáng tạo kỹ thuật nói chung và nghiên cứu sáng tạo kỹ thuật mới nói riêng trong các trường đại học và cao đẳng có điều kiện đạt được bước phát triển mới. Chính nhờ những chủ trương đó, đến cuối năm 2000, số người làm công tác khoa học, kỹ

thuật ở Trung Quốc đã là 2,71 triệu người, trong đó các nhà khoa học và công trình sư là 1,5 triệu người. Đáng chú ý là tổng mức kinh phí chi cho hoạt động khoa học, kỹ thuật toàn quốc là 125 tỷ NDT, tăng hơn 10,8% so với năm 1999. Trung Quốc cũng đã xây dựng 663 hạng mục sáng tạo mới về kỹ thuật trọng điểm và 1329 hạng mục sản xuất thử một số sản phẩm trọng điểm mới, đã hoàn thành nghiên cứu chế tạo và đã giám định nghiệm thu 26 loại thiết bị kỹ thuật quan trọng. Cả năm 2000 có tất cả 29.500 công trình khoa học, kỹ thuật quan trọng được nghiệm thu ở cấp Tỉnh và cấp Bộ, có 602 công trình đoạt giải thưởng của Nhà nước. Cũng trong năm 2000 Trung Quốc đã 4 lần phóng vệ tinh thành công, trong đó phải kể đến việc phóng thành công tàu vũ trụ đầu tiên mang tên "Thần Châu" do Trung Quốc tự nghiên cứu và chế tạo. Ngày 16 tháng 10 năm 2003 tàu vũ trụ "Thần Châu 5" do nhà du hành Dương Lợi Vĩ điều khiển đã được đưa lên vũ trụ và hạ cánh an toàn. Chỉ sau 2 năm, ngày 12 tháng 10 năm 2005 Trung Quốc phóng tàu vũ trụ "Thần Châu 6" với 2 nhà du hành Nhiếp Hải Thắng và Phí Tuấn Long điều khiển. Sau 5 ngày bay trên quỹ đạo, 4 giờ 32 phút sáng ngày 17 tháng 10 "Thần Châu 6" đã hạ cánh an toàn tại Khu tự trị Nội Mông, cách điểm dự kiến chỉ 1 km. Hai thành công này đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của ngành hàng không vũ trụ của Trung Quốc, thành công của "kế hoạch 863". Chỉ riêng năm 2000, Trung Quốc đã tiếp nhận 134240 đơn xin và đã trao bản quyền cho 100154 phát minh sáng chế cho các nhà khoa học cả ở trong và ngoài nước⁽¹⁴⁾.

Để tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý giáo dục theo dõi và đánh giá chính xác những tiến bộ và tồn tại của địa phương và tìm hiểu tham khảo kinh nghiệm của các địa phương khác, tháng 11 năm 1995 Ủy ban Giáo dục cho công bố ý kiến về công tác xã hội giúp đỡ và kiểm tra trình độ đối với giáo dục đại học và cao đẳng. Chỉ thị này nhằm mục đích tận lực phát huy chức năng giáo dục của kiểm tra trình độ, thúc đẩy công tác kiểm tra phát triển lành mạnh và tăng cường giám sát, chỉ đạo giúp đỡ học tập của toàn xã hội. Cùng với công bố chỉ thị trên, Ủy ban Giáo dục còn yêu cầu Văn phòng Đoàn thanh tra giáo dục có kế hoạch cụ thể trong năm 1996 phải hoàn thành công tác đánh giá với 108 trường đại học và phấn đấu đến năm 1999 sẽ hoàn thành việc đánh giá với tất cả các trường mới thành lập⁽¹⁵⁾.

Nhằm khuyến khích các trường trong công tác đào tạo và nghiên cứu, hàng năm Trung Quốc vẫn tiến hành xếp hạng cho các trường đại học để từ đó có thể đánh giá chất lượng đào tạo của các trường. Có 3 tiêu chí để đánh giá đó là: khả năng nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng nhân tài và danh tiếng của trường. Theo kết quả điều tra và xếp hạng năm 2005 top 10 của đại học Trung Quốc là: Thanh Hoa, Bắc Đại, Triết Giang, Phúc Đán, Nam Kinh, Vũ Hán, Đại học khoa học kỹ thuật Hoa Trung, đại học Giao thông Thượng Hải, Cát Lâm, Nhân Đại.

Ngày 3 tháng 2 năm 2003 tại Hội nghị toàn thể lần thứ 8 Ủy ban tư vấn công tác các trường đại học và cao đẳng trực thuộc Bộ Giáo dục tại Hàng Châu, Phó Thủ tướng Lý Lam Thanh thay mặt

Chính phủ đã đưa ra nhận định 6 điểm với tinh thần chủ yếu là: Giáo dục đại học cơ bản đã hoàn thành cải cách thể chế quản lý vĩ mô, cần chuyển trọng điểm sang cải cách và hoàn thiện thể chế quản lý nội bộ các trường, cải cách thêm một bước quá trình xã hội hoá khâu hậu cần nhằm tăng cường điều kiện sống và làm việc. Trong công tác tổng kết và đánh giá cần phá vỡ quan niệm cũ đánh giá theo kiểu xếp đặt ngôi thứ, tạo điều kiện để các nhân tài trẻ phát triển, mạnh dạn gánh vác trọng trách. Dựa trên thực tế và kinh nghiệm cải cách trong những năm qua cần tiến hành điều chỉnh kết cấu môn học với mục tiêu chính là đào tạo nhân tài, nâng cao chất lượng giáo dục, tạo cơ hội tốt nhất để giải quyết việc làm cho sinh viên tốt nghiệp của trường đào tạo. Thực hiện tốt “công trình 211” chú ý nâng cao trình độ quản lý các cấp cùng với tăng cường công tác tư tưởng và công tác Đảng trong các nhà trường, nhất là công tác chính trị sinh viên⁽¹⁶⁾.

Đánh giá trên của Chính phủ đã xác định tương đối đầy đủ những thành tựu to lớn cũng như những khó khăn hạn chế của ngành giáo dục đại học, cao đẳng Trung Quốc trong giai đoạn hiện tại.

CHÚ THÍCH:

(1), (2) Quách Phúc Xương - Ngô Đức Cương chủ biên (1999): *Bàn về vấn đề cải cách và phát triển giáo dục*, Nxb Giáo dục Hà Bắc, Trung Quốc, trang 201, 202 (chữ Trung).

(3) Bản tin Trung Quốc (1999): *Cải cách mở cửa thúc đẩy sự nghiệp giáo dục phát triển mạnh mẽ*, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, số 1.

(4) Bộ trưởng Trần Chí Lập giới thiệu mục tiêu phát triển giáo dục Trung Quốc, Bản tin Trung Quốc (2003), Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, số 1.

(5) Dương Cảnh Nghiêu (2003): *Nghiên cứu giáo dục đại học ở Trung Quốc đại lục*, Công ty trách nhiệm hữu hạn sự nghiệp văn hoá giáo dục đại học xuất bản, Đài Bắc Đài Loan, trang 153 (chữ Trung).

(6) *Thông tin văn hoá xã hội*, Bản tin Trung Quốc (1998), Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, số 6.

(7) Thông tin trên mạng www.xinhuanet.cn mục giáo dục.

(8) Như chú thích 3

(9) *Bộ Giáo dục Trung Quốc công bố Công báo thống kê phát triển sự nghiệp giáo dục toàn quốc*, Bản tin Trung Quốc (2003), Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, số 6.

(10) *Thông tin văn hoá xã hội*, Bản tin Trung Quốc (2004), Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, số 9.

(11) *Thông tin văn hoá xã hội*, Bản tin Trung Quốc (1998), Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, số 1.

(12) Hách Khắc Minh chủ biên (1998): *20 năm cải cách thể chế giáo dục ở Trung Quốc*, Nxb Trung Châu cổ tịch, Trịnh Châu Hà Nam (chữ Trung).

(13) Bản tin Trung Quốc (2004), *Thông tin văn hoá xã hội*, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, số 4.

(14) *Giáo dục và khoa học kỹ thuật*, Bản tin Trung Quốc (2000), Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, số 2.

(15) *Thông tin văn hoá xã hội*, Bản tin Trung Quốc (1996), Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, số 6.

(16) *Thông tin văn hoá xã hội*, Bản tin Trung Quốc (2003), Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, số 2.